

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK  
Bản án số: 178/2024/HS – ST  
Ngày: 27-6-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Viết Thống

2. Ông Nguyễn Hữu Long

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Phan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Y Khang Êban – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 155/2024/TLST–HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST–HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên **Trần Văn D**

Sinh ngày 06 tháng 3 năm 2001; Tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: **1 N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần B** và con bà **Nguyễn Thị T**. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

\* **Bị hại:** Bà **Mai Thị T1** sinh năm 1944 (đã chết).

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị T2**, bà **Nguyễn Thị T3**, bà **Nguyễn Thị N**, ông **Nguyễn Văn T4**, bà **Nguyễn Thị Thu T5**, ông **Nguyễn Văn T6**, ông **Nguyễn Văn T7**, ông **Nguyễn Minh T8**, bà **Nguyễn Thị Thùy D1**, ông **Nguyễn Văn T9**.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Văn T9** sinh năm 1968

Địa chỉ: **C N, tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).

\* *Người có quyền nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị T** sinh năm 1971

Địa chỉ: **Số nhà A N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (Có mặt).

\* *Người làm chứng*

1. Bà **Lê Thị Hồng N1** sinh năm 1975

Địa chỉ: **Số nhà D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).

2. Bà **Trần Thị Kim Thu S** năm 1969

Địa chỉ: **Số nhà C V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 27/12/2018, **Trần Văn D** điều khiển xe gắn máy biển số 47AB – 060.08, dung tích 50cm<sup>3</sup>, một mình từ nhà đến **trường Trung học phổ thông L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** để học. Khoảng 06<sup>h</sup>45' cùng ngày, **D** điều khiển xe lưu thông trên phần đường bên phải của **đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (đoạn đường có giải phân cách bằng bê tông cố định phân chia hai chiều đường) theo hướng từ vòng xuyên Km5 đến vòng xuyên Km3, **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Khi đi đến trước **số nhà C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, đây là đoạn đường giao nhau với **đường H N** phía bên phải và **đường V** phía bên trái theo hướng đi của **D**. Đoạn đường thẳng, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng, có vạch sơn phân chia 03 làn đường xe chạy, có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ. **D** điều khiển xe gắn máy biển số 47AB – 060.80 lưu thông ở làn đường giữa đến khu vực ngã tư thì thấy một xe Ô tô (không rõ đặc điểm) lưu thông tại làn đường bên trái gần giải phân cách phía trước cùng chiều thì **D** điều khiển xe đi thẳng bên phải xe Ô tô này. Cùng lúc này, bà **Mai Thị T1** đang đi bộ qua đường trên vạch kẻ đường dành cho người đi bộ hướng từ trái qua phải theo hướng đi của **D** để qua vỉa hè trước **số nhà C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. khi bà **T1** vừa đi ngang qua đầu xe Ô tô nói trên thì **D** cũng vừa điều khiển xe vượt qua đầu xe Ô tô. Lúc này, **D** mới phát hiện có người đi bộ qua đường, nhưng do không giảm tốc độ và khoảng cách gần nên đã để xe gắn máy biển số 47AB – 060.80 va chạm vào bà **Mai Thị T1** tại vạch kẻ đường dành cho người đi bộ làm bà **T1** té ngã, đồng thời **D** và xe gắn máy biển số 47AB – 060.80 trượt về phía trước bên phải theo hướng đi, gây ra vụ tai nạn giao thông. Hậu quả làm bà **T1** bị thương được đưa đi cấp cứu tại **Bệnh viện Đ** rồi chuyển tuyến đến **Bệnh viện đa khoa tỉnh Đ** chữa trị. Đến trưa ngày 28/12/2018, bà **T1** tử vong, hư hỏng nhẹ xe gắn máy biển số 47AB – 060.80, **D** không bị thương tích gì.

Hiện trường đoạn đường nơi xảy ra tai nạn:

Trên **đường N** là đường hai chiều có dải phân cách cố định đứt quãng, hai đầu cách nhau: 47,80m, mặt đường được trải bê tông nhựa bằng phẳng rộng 22,30m, phần đường bên phải theo hướng từ đường quốc lộ 27 đến **đường N** rộng 11,9m, trên mặt đường có vạch kẻ sơn màu trắng, nét đơn đứt quãng, chia phần đường thành 3 làn xe chạy: Bên phải theo chiều đi rộng 4,4m, làn giữa rộng 3,65 m. Theo hướng đi từ **đường N đến quốc lộ B** bên phải là hẻm số 503 **N** rộng 3,80m, tiếp đến là **đường V** rộng 8,55m. Đo vuông góc từ mép đường bên trái hẻm 530 **Nguyễn Văn C** đến mép đường bên phải **đường V** theo hướng từ **đường N** đi vào là 21,6m. Bên trái là **hẻm S N** rộng 3,05 m. Trên mặt đường **Nguyễn Văn C** từ đầu **hẻm S** đi sang lề đường đối diện có vạch kẻ sơn màu trắng kích thước 2,5m x 0,4m, cách nhau 0,60m, đầu vạch kẻ sơn theo hướng từ **đường N** đến đường quốc lộ 27 thẳng với mép đường bên phải của **hẻm S** bên lề phải **đường N** theo hướng từ đường quốc lộ 27 đến **đường N** trước khi đến **hẻm S** có biển báo hiệu 207a giao nhau với đường không ưu tiên cách mép đường 01m, phía sau 17,55m là biển báo hiệu 423b người đi bộ qua đường, cách mép đường 1,40m. Đo từ chân biển báo hiệu 207a đến đầu gần giải phân cách gần nhất là 29,75 m. Theo hướng từ đường quốc lộ 27 đến **đường N** đường thẳng, qua vạch kẻ sơn kích thước (2,50 x 0,40)m, đường cong sang phải theo chiều đi.

2. Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:

(1) Xe gắn máy biển số 47AB – 060.80

(2) Vết cày xước

3. Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn:

– Lấy mép đường bên phải của **đường N**, theo hướng từ **đường Q đến đường N** làm mép đường chuẩn, tất cả các số đo đến mép đường chuẩn đều đo vuông góc.

– Lấy góc nhà phía trước bên trái (từ trong nhà đi ra) của nhà **số C N**, cách mép đường chuẩn: 5,10m làm mốc cố định

4. Mô tả theo thứ tự vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết

– Tại hiện trường ghi nhận (1) ngã nghiêng, sang trái trên mặt đường, đầu xe quay về hướng **T**, đuôi xe quay về hướng ngược lại.

+ Đo từ tâm trục bánh trước đến mép đường chuẩn là 4,00m;

+ Đo từ tâm trục bánh sau đến mép đường chuẩn là: 4,35m, đến mốc cố định là 14,35m, đến mép đường giả định bên phải của hẻm số 385 hướng từ **đường N** là 20,10m;

+ Đo từ tâm trục bánh trước đến đầu dải phân cách gần nhất là 9,15m;

– Trên mặt đường phía sau đuôi xe (1) để lại một vết cày xước (2) dài: 0,90m, có vẻ rộng và độ sâu không đáng kể, có chiều hướng từ Đ đến T

+ Đo từ điểm đầu của vết cày xước đến mép đường chuẩn là 4,90m, đến điểm gần nhất của vạch kẻ sơn kích thước (2,50 x 0,40)m là: + Đo từ điểm cuối của vết cày xước đến mép đường chuẩn là 4,68m, đến tâm trục bánh sau (1) là 0,50m

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ ngày 27/12/2018 của Công an thành phố B, các dấu vết ban đầu để lại tại hiện trường, dấu vết để lại trên hai phương tiện và lời khai của những người có liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ trên. Kết quả dựng lại hiện trường xác định điểm va chạm ban đầu tương ứng với mặt đường như sau: Vị trí va chạm nằm trên vạch kẻ đường dành cho người đi bộ trước địa chỉ căn nhà C N, phường T, thành phố B, cách mép đường trước nhà 37 Nguyễn Văn C 6,30m; cách chân biển báo gắn trên giải phân cách cố định là 7,50m.

Tại bản Kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 399/GĐHS, ngày 05/12/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ kết luận nguyên nhân tử vong của bà Mai Thị T1:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

– Chấn thương sọ não nặng:

+ Bệnh án:

+ Hôn mê sâu, G # 3 điểm, thở qua bóp bóng NKQ.

+ Đồng tử bên (P) # 1mm, bên (T) # 4mm, P (-).

+ Đầu sưng nề vùng thái dương (P) và vùng chẩm kèm vết thương 1cm, rỉ máu.

+ CT Scanner:

+ Tụ máu dưới màng cứng bán cầu (T).

+ Xuất huyết dưới nhện.

+ Xóa các bể dịch não tủy, lệch đường giữa hơn 5mm; thoát vị não qua lều; phù não nặng.

+ Khám tử thi:

+ Chảy máu mũi – miệng.

+ Bầm tím, sây xước, sưng nề da đầu chẩm (P), kích thước # 08cm x 06cm, tâm vết thương có vết dập rách da nhăm nhở, đã khâu dài 4cm.

+ Mổ tử thi:

+ Tổn thương dập rách da cơ vùng chẩm (P), kích thước: 05cm x 04cm.

+ Tổn thương nứt sọ chẩm (P).

– Các thương tích khác:

+ Sây xước, bầm tím mông (P), kích thước # 04cm x 02cm, cách gót chân (P) 79cm.

+ Sây xước da sau khuỷu (P), kích thước # 06cm x 04cm.

+ Bầm tím da ở mặt sau trong 1/3 giữa cẳng chân trái, kích thước: 07cm x 04cm, cách gót chân (T) 24cm.

2. Kết luận theo nội dung trung cầu, yêu cầu giám định:

– Cơ chế hình thành thương tích trên cơ thể tử thi **Mai Thị T1**:

+ Chấn thương: Bầm tím da ở mặt sau trong 1/3 giữa cẳng chân trái, kích thước: 07cm x 04cm, cách gót chân (T) 24cm: Do vật tày cứng có cạnh tác động trực tiếp hướng từ phải sang trái.

+ Chấn thương: Sây xước, bầm tím mông (P), kích thước # 04cm x 02cm, cách gót chân (P) 79cm: Do vật tày cứng tác động trực tiếp hướng từ phải sang trái.

+ Chấn thương: Sây xước da sau khuỷu (P), kích thước # 06cm x 04cm: Do vật tày cứng tác động trực tiếp có tính chất chà sát, mài mòn, hướng từ phải sang trái, từ sau ra trước.

+ Tụ máu dưới màng cứng bán cầu (T); xuất huyết dưới nhện; thoát vị não qua lều; phù não nặng: Do cơ chế tăng – giảm tốc đột ngột (cơ chế đụng – dội) trong chấn thương sọ não. (BL: 61 – 63)

Nguyên nhân, điều kiện phạm tội: Bị cáo **Trần Văn D** trong quá trình điều khiển xe gắn máy biển số 47AB – 060.80 lưu thông trên đường thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ và không nhường đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, nên đã gây ra vụ tai nạn giao thông.

Tại bản cáo trạng số: 169/CT-VKSTP-BMT ngày 31/5/2024 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, đã truy tố **Trần Văn D** về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo **Trần Văn D** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Trần Văn D** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Văn D** mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng.

**Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 591, 593, Bộ luật Dân sự.

– Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, trao trả: xe gắn máy biển số 47AB – 060.80, nhãn hiệu HALIM, số loại 50, màu sơn đỏ đen, số khung RR6DCB2UMDT309317, số máy VZS139FMB309317 cho bà Nguyễn Thị T nhận quản lý, sử dụng

– Chấp nhận việc bị cáo, gia đình bị cáo Trần Văn D đã bồi thường số tiền 60.000.000 đồng cho gia đình nạn nhân Mai Thị T1.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn D không bào chữa tranh luận gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng**

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo như sau: Vào sáng ngày 27/8/2018, Trần Văn D điều khiển xe gắn máy biển số 47AB – 060.80 lưu thông trên phần đường một chiều bên phải đường N theo hướng từ Vòng xuyên Km5 đến Vòng xuyên K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi điều khiển xe tới trước số nhà C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ và không nhường đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ nên để xe gắn máy biển số 47AB – 060.80 tông vào người đi bộ qua đường là bà Mai Thị T1, gây ra tai nạn giao thông. Hậu quả làm bà Mai Thị T1 bị tử vong.

Từ những nhận định trên xác định: Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS.

#### **Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, quy định:**

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp

sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) *Làm chết người.*”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo **Trần Văn D** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo **Trần Văn D** gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức được, hành vi của bị cáo đã chủ quan thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ và không nhường đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ nên đã xảy ra tai nạn giao thông, hậu quả làm cho bà **T1** bị tử vong. Do đó cần có mức hình phạt đủ nghiêm đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét bị cáo **Trần Văn D** trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại. Gia đình bị hại đã bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó cần xem xét áp dụng cho bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo **Trần Văn D** là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: các Điều 584, 585, 586, 591, 593 Bộ luật Dân sự.

Trong quá trình điều tra gia đình bị cáo **Trần Văn D** đã thỏa thuận bồi thường số tiền 60.000.000 đồng cho gia đình bị hại bà **T1**. Người đại diện gia đình bị hại đã nhận đủ và không có yêu cầu bồi thường thêm. Do đó cần ghi nhận sự tự nguyện giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại về vấn đề bồi thường.

[2.4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B**, trao trả: xe gắn máy biển số 47AB – 060.80, nhãn hiệu HALIM, số loại 50, màu sơn đỏ đen, số khung RR6DCB2UMDT309317, số máy VZS139FMB309317 cho bà **Nguyễn Thị T** nhận quản lý, sử dụng.

[2.5] Về án phí: Bị cáo **Trần Văn D** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn D** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn D** 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo **Trần Văn D** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Trần Văn D** cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

**\* Về trách nhiệm dân sự:** Các Điều 584, 585, 586, 591, 593 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của gia đình bị cáo **Trần Văn D** đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại bà **Mai Thị T1** số tiền 60.000.000 đồng. Người đại diện gia đình bà **Mai Thị T1** đã nhận đủ và không yêu cầu bồi thường thêm.

**\* Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B**, trao trả: xe gắn máy biển số 47AB – 060.80, nhãn hiệu HALIM, số loại 50, màu sơn đỏ đen, số khung RR6DCB2UMDT309317, số máy VZS139FMB309317 cho bà **Nguyễn Thị T** nhận quản lý, sử dụng.

**\* Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Trần Văn D** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**\* Nơi nhân:**

– Vụ GDKT 1 – TANDTC;  
– TAND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND TP. Buôn Ma Thuật;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuật;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuật;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**Phạm Thị Kim Cúc**